



# BẢN TIN THƯƠNG VỤ

**BẢN TIN SỐ 18 – QUÝ III NĂM 2022**

**THƯƠNG VỤ VIỆT NAM  
TẠI NIU DI-LÂN**

## TRONG SÔ NÀY

Tin tức

Chính sách và quy định kinh doanh

### BAN BIÊN TẬP

1. Trần Diệu Oanh

Tham tán Thương mại

2. Đỗ Hữu Tùng

Bí thư thứ Hai



## TIN TỨC

### TÌNH HÌNH KINH TẾ NIU DI-LÂN

#### Diễn biến của dịch Covid-19

Chính phủ Niu Di-lân đã hoàn toàn xóa bỏ hạn chế về các mức cảnh báo để ứng phó với đại dịch Covid-19 từ ngày 12 tháng 9 năm 2022, đồng thời dừng cập nhật báo cáo về số ca mắc covid-19 tại Niu Di-lân. Theo đó, xóa bỏ quy định về bắt buộc đeo khẩu trang ở các nơi công cộng; quy định đeo khẩu trang chỉ khuyến nghị đối với những trường hợp vì mục đích y tế và lứa tuổi cần thận trọng, những người dương tính với covid-19 tự cách ly trong 7 ngày và không yêu cầu cách ly các thành viên trong gia đình với người dương tính với covid-19. Du khách quốc tế đến Niu Di-lân không cần phải chứng minh đã tiêm phòng hay xét nghiệm Covid-19.

#### Tình hình kinh tế - xã hội

Viện Nghiên cứu Kinh tế Niu Di-lân (NZIER) đã thông báo về việc điều chỉnh giảm triển vọng tăng trưởng của Niu Di-lân trong những năm tới. Thông báo chỉ ra rằng sự sụt giảm chi tiêu và đầu tư kinh doanh của hộ gia đình và doanh nghiệp, nhấn mạnh những khó khăn ngày càng tăng đối với nền kinh tế, bao gồm cuộc chiến ở Ukraine, lãi suất ngân hàng tăng, lạm phát ở mức kỷ lục, khủng hoảng năng lượng...

Trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu xuất hiện ngày càng rõ rệt hơn, một số chuyên gia kinh tế hàng đầu Niu Di-lân cũng cho rằng nền kinh tế Niu Di-lân cũng không tránh khỏi xu thế suy thoái chung...

Kinh tế Niu Di-lân thời gian qua có một số điểm chính sau:

*Lĩnh vực du lịch, giáo dục có xu hướng tăng trưởng trở lại* - Với việc mở cửa hoàn toàn biên giới từ tháng 8/2022, lĩnh vực du lịch, giáo dục và các ngành xuất khẩu lớn nhất của Niu Di-lân ngay lập tức có những tín hiệu chuyển biến tích cực rõ rệt. Lượng du khách nước ngoài ra và vào Niu Di-lân tính đến tháng 7 đạt 413.916 lượt, trong đó lĩnh vực giáo dục đạt 4.457 người, du lịch đạt 409.459 lượt người. Lượng khách quốc tế nhập cảnh vào Niu Di-lân riêng tháng 8 đạt hơn 150.000 lượt người đạt mức kỷ lục kể từ thời điểm đóng cửa biên giới tháng 3/2020 (trong đó nhập cảnh vì mục đích du lịch mạo hiểm, khám phá riêng tháng 7/2022 là 134.000 lượt người).

Chính phủ tiếp tục có nhiều biện pháp cụ thể thúc đẩy phát triển du lịch như: Đầu tư thêm 2 tỷ NZD hỗ trợ tìm kiếm việc làm trong đó có lĩnh vực du lịch, giải quyết vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực, thúc đẩy hồi phục kinh tế, trong đó 654 triệu NZD riêng cho gói hỗ trợ phục hồi du lịch.

*Tỷ lệ thất nghiệp tăng* – Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 3,3% trong quý II năm 2022, tăng 0,1% so với quý I (trong đó tỷ lệ thất nghiệp của nữ là 3,5% tăng 0,1% so với quý I, tỷ lệ thất nghiệp

của nam đạt 3,1%), giảm so với cùng kỳ năm trước và được đánh giá đạt tỷ lệ thất nghiệp thấp kỷ lục trong nhiều năm. Số liệu thống kê cho thấy trong quý II có 96.000 người không có việc làm. Dự báo, tỷ lệ thất nghiệp sẽ giảm trong năm 2022.

**GDP tăng** – Cục Thống kê Niu Di-lân mới công bố số liệu GDP quý II năm 2022. Theo đó, GDP quý II tăng 0,1% so với quý I ở mức 1,7%. Giảm mạnh nhất là ngành khai thác khoáng sản, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tăng trưởng mạnh đóng góp vào GDP là ngành dịch vụ vận tải, bưu điện và lưu trữ tăng 10,8%.

**Lạm phát tăng** - Tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức 7,3% trong quý II năm 2022 tăng 0,4% so với quý I năm 2022 cao nhất trong vòng 32 năm kể từ năm 1990. Các hộ tiêu dùng phải đối mặt với giá cả nhảy vọt về thực phẩm, xăng dầu và chi phí liên quan đến nhà ở.

Nguyên nhân chủ yếu do nhóm nhà ở và tiện ích gia đình, do giá xây dựng và cho thuê nhà ở tăng và chi phí nhiên liệu, xăng dầu tăng cao kỷ lục, cụ thể: Chi phí xây dựng tăng 18% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của đứt gãy chuỗi cung ứng, chi phí lao động và sự gia tăng nhu cầu; giá xăng dầu tăng 32%, dầu diesel tăng 74%.

**Giá nhà tiếp tục giảm** – Giá trị nhà trung bình ở New Zealand đã giảm 5,5% trên toàn quốc trong khoảng thời gian ba tháng qua cho đến cuối tháng 8, tăng từ mức giảm 4,9% theo báo cáo hồi tháng 7, với giá trị trung bình trên toàn quốc hiện là 973.848 đô la. Tốc độ tăng giá trị nhà trung bình hàng năm hiện chỉ là 1,1%, giảm so với mức 4% vào cuối tháng 7.

**Chính sách nhập cư nới lỏng** – Vào cuối năm 2022, Niu Di-lân sẽ có nhiều cư dân mới hơn bất kỳ năm nào trước đây.

Phân tích quốc tịch cho thấy người di cư từ Ấn Độ (69.594) là quốc tịch phổ biến nhất được áp dụng, tiếp theo là Philippines (47.304) Trung Quốc (35.451) và Nam Phi (31.248). Năm ngoái, kế hoạch của chính phủ cho những người nhập cư mới, bao gồm cả vợ hoặc chồng sinh ra ở nước ngoài của người Niu Di-lân và các hạng mục nhân đạo, mục tiêu hàng năm là từ 33.000 đến 40.000 người.

Để phục hồi kinh tế, Chính phủ Niu Di-lân đã ban hành nhiều chính sách mạnh mẽ. Nhằm hạ nhiệt thị trường nhà đất, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm hạn chế đầu tư vào bất động sản như bỏ quy định cho phép trừ lãi từ các khoản vay mua bất động sản khi tính thu nhập từ bán bất động sản đó; tăng lãi suất cho vay để mua bất động sản. Các thay đổi này được cho là sẽ tác động lớn đến giá nhà ở do các nhà đầu tư bất động sản (chiếm 1/3 thị trường tại các thành phố lớn như Auckland và Wellington) là nguyên nhân chính giúp giá nhà giảm trong thời gian qua. Tuy nhiên, thâm hụt tài khoản vãng lai tăng lên ở mức 7,7% GDP do đồng NZD mất giá, giá cả hàng hóa tăng mạnh và ảnh hưởng bởi các ngân hàng trung ương trên phạm vi toàn cầu tăng lãi suất.

### **Tình hình thương mại giữa Niu Di-lân với thế giới**

Theo Cục Thống kê Niu Di-lân, trong 8 tháng năm 2022, thương mại hàng hóa hai chiều của nước này đạt 100,5 tỷ NZD, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó, xuất khẩu đạt 46,2 tỷ, tăng 13,2%, nhập khẩu đạt 54,3 tỷ NZD, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 8 tháng năm 2022 các mặt hàng thực phẩm xuất khẩu chủ lực của Niu Di-lân có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng đang tăng trở lại, mặt hàng bơ sữa đạt 19,2 tỷ NZD tăng 19,4%, sản phẩm thịt đạt 9,85 tỷ NZD tăng 19,1%

so với cùng kỳ năm 2021. Ngoài ra, một số mặt hàng tăng mạnh gồm nhôm với 1,7 tỷ NZD tăng 41,5%; thực phẩm chức năng tăng 49,5% đạt 1,63 tỷ NZD

Do tình hình dịch Covid-19 ở Niu Di-lân đã được kiểm soát dẫn đến nhu cầu tiêu dùng, xây dựng trong nước tăng mạnh. Phương tiện, bộ phận và phụ tùng đạt 10,6 tỷ NZD (tăng 14%), máy móc và thiết bị cơ khí đạt 11,04 tỷ NZD (tăng 23,3%), dầu và các sản phẩm dầu đạt 8,2 tỷ NZD tăng 59,9%, các sản phẩm liên quan đến hóa học tăng 127,4% đạt 1,63 tỷ NZD.

### ***Về thị trường***

*Về xuất khẩu:* xuất khẩu của Niu Di-lân với các đối tác chính là Trung Quốc đạt 20,3 tỷ NZD tăng 5,5% so với cùng kỳ tiếp theo đó là Australia đạt 8,3 tỷ NZD tăng 4,7% và Hoa Kỳ đạt 7,4 tỷ NZD tăng 15,6%. Việt Nam là đối tác xuất khẩu đứng thứ 14 của New Zealand, đứng thứ 5 trong các nước ASEAN bao gồm Indonesia, Singapore, Thái Lan và Malaysia

*Về nhập khẩu:* nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2021. Các thị trường xuất khẩu hàng đầu vào Niu Di-lân bao gồm: Trung Quốc, 19,2 tỉ NZD tăng 29%, chiếm 23,8% thị phần; Australia, 9,1 tỉ, chiếm 11,2% thị phần, tăng 21%; Hoa Kỳ, 6,97 tỉ, chiếm 8,7% thị phần, tăng 23%. Nhập khẩu từ ASEAN đạt 44,5 tỉ NZD, tăng 35,1%, điều này được minh chứng bởi sự nhập khẩu lớn từ các nước trong ASEAN như Singapore với 3,1 tỷ NZD tăng 102,7%, 2,6 tỷ NZD từ Malaysia tăng 49%, Việt Nam xếp thứ 15 với tăng trưởng nhập khẩu vào thị trường này ở mức 27,1% ở mức 1,5 tỷ NZD.

Sự tăng trưởng mạnh nhập khẩu từ các nước ASEAN mang tới sự tích cực một phần hệ quả của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung những năm trước đây và chính sách Zero-Covid của chính phủ Trung Quốc khiến các nhà nhập khẩu New Zealand tích cực tìm kiếm các đối tác mới đến từ khu vực ASEAN để nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, đây là dấu hiệu đáng mừng và cần nắm bắt của các doanh nghiệp xuất khẩu trong khu vực ASEAN để thâm nhập mạnh hơn vào thị trường đất nước nằm ở phía Nam bán cầu này.

### ***Về mặt hàng***

*Về xuất khẩu:* Trong số 10 mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Niu Di-lân mặt hàng bơ, sữa tăng trưởng 24,9% đạt 13,9 tỷ NZD, thịt và nội tạng tăng 19,6% đạt 6,8 tỷ NZD, dầu thô tăng trưởng mạnh đạt 594 triệu NZD tăng 116%. Đặc biệt, mặt hàng gỗ đạt 3, 4 tỷ NZD giảm 13%, mặt hàng trái cây với kim ngạch 2,5 tỷ NZD giảm 4,3%.

*Về nhập khẩu:* Trong số 10 mặt hàng nhập khẩu hàng đầu, các mặt hàng nhập khẩu hàng đầu có kim ngạch tăng gồm: dầu và các sản phẩm dầu (tăng 70%), máy móc, thiết bị (tăng 19,2%), thiết bị điện (tăng 19,1%).

## **THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - NIU DI-LÂN**

Theo số liệu của Cục Thống kê Niu Di-lân, trong 8 tháng đầu năm 2022 kim ngạch xuất nhập khẩu giữa 2 nước đạt 1,7 tỷ NZD, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2021 (1,4 tỷ NZD),

trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 973 triệu NZD, tăng 21%, kim ngạch nhập khẩu từ Niu Di-lân đạt 686 triệu NZD, tăng 21% so với cùng kỳ. Việt Nam tiếp tục là đối tác thương mại lớn thứ 14 (đứng thứ 5 trong ASEAN) của Niu Di-lân.

**a) Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân**

Đối với xuất khẩu, Việt Nam tăng trưởng mạnh ở các mặt hàng như: trà, cà phê tăng 52% đạt 9,13 triệu NZD; sản phẩm gốm, sứ tăng 108% đạt 6,7 triệu NZD; giấy và các sản phẩm từ giấy tăng trưởng 48% đạt 8,9 triệu NZD; sắt thép tăng 36,8% đạt 13,6 triệu NZD; hàng dệt may tăng 22,8% đạt 173,7,9 triệu NZD. Xuất khẩu phần lớn đều có sự tăng trưởng với 2 con số, chỉ có các nhóm mặt hàng tăng trưởng âm thuộc nhóm vật liệu xây dựng như đá, xi măng giảm 100% ở nhóm mã HS25, mã HS 27 giảm 41% và nhóm HS68 về vật liệu như đá, xi măng, các vật liệu liên quan lại tăng trưởng 30% đạt 3,5 triệu NZD. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2021, các mặt hàng này đã có lượng nhập khẩu vào Niu Di-lân tăng trưởng lớn và giá cả vật liệu xây dựng có xu thế tăng tại thị trường Niu Di-lân làm giảm lượng cung và nhu cầu của nhà nhập khẩu.

**Bảng 1: Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân**

*ĐVT: 1.000 NZD*

STT	Mã và Mặt hàng	Việt Nam xuất khẩu sang New Zealand				
		8T/21	8T/22	Tỉ trọng	Tăng trưởng	Thị phần
	<b>Tổng xuất khẩu</b>	<b>803,887</b>	<b>972,812</b>	<b>100.0%</b>	<b>21.0%</b>	<b>1.8%</b>
1	03 thủy sản	12,467	13,602	1.4%	9.1%	10.4%
2	08 trái cây, hạt	18,839	21,145	0.9%	12.2%	7.3%
3	09 Trà, cà phê	6,363	9,074	1.1%	42.6%	5.3%
4	10-11 Tinh bột, Ngũ cốc	7,053	10,688	1.1%	51.5%	2.6%
5	16 Thịt, cá chế biến sẵn	6,999	7,007	0.7%	0.1%	5.6%
6	44 gỗ và sản phẩm gỗ	2,403	3,832	0.4%	59.5%	0.7%
7	19-20-21 các loại chế phẩm ăn được	7,086	9,025	0.9%	27.4%	0.6%
8	25-27-68 Vật liệu dùng cho xây dựng (đá, xi măng...)	9,426	4,881	0.5%	-48.2%	0.2%
9	34 Các chất tẩy rửa bề mặt, các chế phẩm nha khoa	20,280	23,263	2.4%	14.7%	7.1%
10	39 Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	19,928	19,280	2.0%	-3.3%	1.1%
11	40 Cao su và các sản phẩm từ cao su	11,089	9,590	1.0%	-13.5%	1.9%
12	42 Sản phẩm bằng da	9,180	11,226	1.2%	22.3%	5.2%
13	48 giấy, các sản phẩm từ giấy và bìa các tông	6,030	6,120	0.6%	1.5%	0.9%
14	60-61-62-63-64-65 Dệt may, các sản phẩm từ quần áo, giày dép và phụ kiện	141,466	173,690	17.9%	22.8%	7.3%
15	69 Sản phẩm gốm sứ	3,209	6,666	0.7%	107.7%	1.9%
16	72-73-82 Sắt, thép và các sản phẩm từ kim loại	9,939	13,571	1.4%	36.5%	0.6%
17	94 Đồ nội thất và thiết bị chiếu sáng	49,800	67,214	6.9%	35.0%	5.1%
18	95 Đồ chơi, dụng cụ thể thao và phụ kiện	10,110	14,315	1.5%	41.6%	2.0%
19	84-85 Máy móc, thiết bị điện và phụ kiện liên quan	392,082	469,314	48.2%	19.7%	3.9%
20	90 Dụng cụ và thiết bị y tế	15,481	8,399	0.9%	-45.7%	1.0%
21	Các sản phẩm khác	44,657	70,910	7.3%	58.8%	0.3%

*Nguồn: Cục Thống kê Niu Di-lân*

Bảng 1 cho thấy, chỉ có 04 mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Niu Di-lân 8 tháng năm 2022 có kim ngạch giảm bao gồm vật liệu xây dựng (48,2%), cao su (13,5%) và thiết bị y tế (45,7%) và nhựa, các sản phẩm nhựa (3,3%), tất cả các mặt hàng còn lại đều có sự tăng



trường trên 2 chữ số. Đặc biệt, các mặt hàng tăng trưởng ấn tượng nhất là: cao su và các sản phẩm gôm sứ (tăng 107,7%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 59,5%).

Trong số 02 mặt hàng có kim ngạch tăng mạnh, mặt hàng gôm, sứ đánh dấu sự tăng trưởng trở lại so với năm 2021 (cả năm 2021 giảm 42,4%) và mặt hàng gỗ do xu hướng các công trình dân dụng đang được gấp rút triển khai và tiếp tục xây dựng sau khi nước này thay đổi phương thức phòng, chống dịch Covid-19 từ ngày 31 tháng 7 năm 2022.

Xét về tỷ trọng, các mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam vào Niu Di-lân gồm: máy móc, thiết bị điện tử (48,2%), Dệt may (17,9%).

Về thị phần trên từng loại hàng hóa nhập khẩu vào Niu Di-lân của Việt Nam, các mặt hàng lớn nhất gồm: trái cây, hạt (7,3%), thủy sản (10,4%); hàng dệt may (7,3%); thịt, cá chế biến sẵn (5,6%), máy móc, thiết bị điện tử (3,9%), trà, cà phê (5,3%).

#### **b) Việt Nam nhập khẩu từ Niu Di-lân**

Đối với nhập khẩu, Việt Nam có xu hướng nhập khẩu tăng trưởng từ Niu Di-lân do tất cả các mặt hàng đều có sự tăng trưởng dương, đặc biệt mặt hàng máy móc, thiết bị điện và sắt thép tăng trưởng mạnh cụ thể như: sắt thép tăng trưởng 383% đạt 21 triệu ZND, máy móc thiết bị ở mức 326% đạt 8 triệu NZD, điều này có thể hướng đến sự đòi hỏi về công nghệ, thiết bị điện với yếu tố đảm bảo môi trường, công nghệ cao của doanh nghiệp và người tiêu dùng ở Việt Nam.

**Bảng 2: Việt Nam nhập khẩu từ Niu Di-lân**

*DVT: 1.000 NZD*

STT	Mã và Mặt hàng	Việt Nam nhập khẩu từ New Zealand			
		ST/2021	ST/2022	Tỉ trọng	Tăng trưởng
	<b>Tổng nhập khẩu</b>	<b>568,858</b>	<b>686,353</b>	<b>100.0%</b>	<b>20.7%</b>
1	03 thủy sản	15,831	14,942	2.2%	-5.6%
2	04 bơ, sữa	282,342	321,757	46.9%	14.0%
3	08 trái cây, hạt	106,157	157,701	23.0%	48.6%
4	15 Dầu và mỡ từ động vật, thực vật	2,305	2,540	0.4%	10.2%
5	19 chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa	6,596	4,645	0.7%	-29.6%
6	21 các loại chế phẩm ăn được	32,098	48,855	7.1%	52.2%
7	23 Thức ăn gia súc	1,628	1,896	0.3%	16.5%
8	35 các chất chứa albumin; các dạng tinh bột biến tính; keo hồ; enzym	2,988	9,027	1.3%	202.1%
9	38 Các sản phẩm hóa dược	1,638	1,075	0.2%	-34.4%
10	39 Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	2,107	3,074	0.4%	45.9%
11	41 da thuộc	4,006	6,913	1.0%	72.6%
12	44 gỗ và sản phẩm gỗ	54,138	48,795	7.1%	-9.9%
13	47-48 giấy, các sản phẩm từ giấy và bìa các tông	8,497	3,474	0.5%	-59.1%
14	72-73 sắt, thép	4,879	21,641	3.2%	343.6%
15	76 Nhôm và các sản phẩm từ nhôm	8,728	4,323	0.6%	-50.5%
16	84-85 Máy móc, thiết bị điện và phụ kiện liên quan	4,442	13,807	2.0%	210.8%
17	90 Dụng cụ và thiết bị y tế	16,369	308	0.0%	-98.1%
18	Các sản phẩm khác	14,109	21,580	3.1%	53.0%

*Nguồn: Cục Thống kê Niu Di-lân*

Xét về tỷ trọng, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu hàng đầu từ Niu Di-lân gồm: các sản phẩm bơ sữa (46,9%), trái cây, hạt (23%), gỗ và sản phẩm gỗ (7,1%), các chế phẩm ăn được (7,1%), sắt thép (3,2%).

Xét theo tốc độ tăng trưởng, các mặt hàng nhập khẩu từ Niu Di-lân có tốc độ tăng trưởng cao gồm: các chất chứa albumin dạng bột, keo hồ, enzym (202,1%), máy móc thiết bị (210,8%), sắt thép (343,6%). Mặt hàng sắt thép đặc biệt tăng mạnh, Việt Nam đã nhập khẩu một lượng lớn hơn 21,6 triệu NZD. Bên cạnh đó, các mặt hàng giảm mạnh bao gồm thiết bị y tế (98,1%), giấy và các sản phẩm từ giấy (59,1%).

## MỘT SỐ TIN CHÍNH

### VIỆT NAM – NEW ZEALAND THÚC ĐẨY QUAN HỆ HỢP TÁC NHIỀU LĨNH VỰC

Nhận lời mời của Bộ trưởng Ngoại giao New Zealand Nanaia Mahuta, Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn sẽ thăm chính thức New Zealand và đồng chủ trì Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam-New Zealand lần thứ nhất từ ngày 13-15/9.

Theo phóng viên TTXVN tại khu vực Thái Bình Dương, nhân dịp này, Đại sứ Việt Nam tại New Zealand Nguyễn Văn Trung đã trả lời báo chí về mục đích, ý nghĩa của chuyến thăm chính thức New Zealand của Bộ trưởng Bùi Thanh Sơn.

Đồng thời, Đại sứ Nguyễn Văn Trung cũng điểm lại những kết quả quan trọng trong mối quan hệ thương mại đầu tư giữa hai nước trong thời gian qua và tình hình triển khai Chương trình hành động triển khai quan hệ Đối tác chiến lược Việt Nam-New Zealand giai đoạn 2021-2024.

Đại sứ Nguyễn Văn Trung cho biết chuyến thăm của Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn với New Zealand từ ngày 13-15/9/2022 là chuyến thăm chính thức đầu tiên của Bộ trưởng tới New Zealand và cũng là chuyến thăm cấp bộ trưởng đầu tiên của một quốc gia Đông Nam Á đến New Zealand kể từ khi nước này mở cửa biên giới từ ngày 01/8/2022 sau đại dịch COVID-19.

Nhân dịp này, Bộ trưởng Bùi Thanh Sơn và Bộ trưởng Nanaia Mahuta cùng quan chức Bộ Ngoại giao hai nước sẽ có phiên họp trực tiếp đầu tiên của cơ chế Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao thường niên (FMM), theo Chương trình hành động triển khai khuôn khổ Đối tác chiến lược Việt Nam-New Zealand, giai đoạn 2021-24.

Chuyến thăm diễn ra trong bối cảnh hai nước đã mở cửa biên giới, đang nỗ lực kết nối trở lại với bên ngoài sau hơn 2 năm đối phó với đại dịch COVID-19.

Hai nước cùng chia sẻ mối quan tâm chung là nhanh chóng phục hồi và phát triển kinh tế, củng cố và đa dạng hóa các mối quan hệ bang giao quốc tế, trong điều kiện môi trường chính trị, an ninh và kinh tế trên thế giới cũng như tại châu Á-Thái Bình Dương trải qua nhiều biến động trong năm 2022.

### CHI PHÍ VẬN TẢI GIẢM NHƯNG DỰ KIẾN SẼ KHÔNG TRỞ LẠI MỨC TRƯỚC THỜI KỲ COVID

Chi phí vận chuyển đang giảm nhưng vẫn tăng đáng kể so với thời kỳ trước đại dịch Covid-19. Kiwibank cho biết các chỉ số chính theo dõi chi phí vận chuyển hàng hóa đã giảm mạnh trong vài tháng qua, với áp lực lên chuỗi cung ứng cũng giảm bớt. Công ty giao nhận hàng hóa Rocket Freight cho biết việc vận chuyển một container 20 feet từ Trung Quốc đến New

Zealand hiện có giá khoảng 5.000 USD đến 6.000 USD, so với 800 USD trước Covid-19 và 12.000 - 15.000 USD vào thời điểm đỉnh cao.

## **GIÁ LƯƠNG THỰC TĂNG VỚI TỐC ĐỘ NHANH NHẤT TRONG 13 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY**

Công ty sữa khổng lồ Fonterra đã báo cáo kết quả kinh doanh cả năm vững chắc và khẳng định hãng đang đi đúng hướng để đáp ứng hướng dẫn của năm hiện tại.

Giám đốc điều hành Miles Hurrell cho biết năm 2022 là một năm tốt đẹp cho mô hình hợp tác xã này mặc dù chi phí gia tăng liên quan đến sự biến động của chuỗi cung ứng.

Giá sữa chăn nuôi là mức cao nhất từ trước đến nay, ước tính sẽ mang lại cho nền kinh tế khoảng 13,7 tỷ USD chỉ tính riêng trong năm nay.

## **DỮ LIỆU THỐNG KÊ NZ CHO THẤY SỰ SỤT GIẢM 2,4% VỀ THƯƠNG MẠI TRONG QUÝ II/2022**

Lợi thế thương mại của New Zealand đã giảm đi khi chi phí nhập khẩu tăng cao hơn xuất khẩu.

Dữ liệu thống kê của NZ cho thấy các điều khoản thương mại, đo lường số lượng hàng nhập khẩu có thể được mua cho một lượng thu nhập xuất khẩu nhất định, đã giảm 2,4% trong quý II, thấp hơn 2,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Kết quả là hoàn toàn phù hợp với các chủ đề rộng lớn hiển nhiên trong thương mại toàn cầu.

Giá xuất khẩu tăng 3,7%, nhưng chi phí nhập khẩu cao hơn 6,5% so với quý trước.

Nhìn chung, giá nhập khẩu dầu và các mặt hàng khác cao hơn là chất xúc tác chính đẩy giá nhập khẩu lên cao hơn, với giá xăng dầu tăng 42% trong quý 2 và giá nguyên liệu thô phi nhiên liệu tăng 26,5% so với quý trước.

## **BẤT ỔN TÀI CHÍNH TOÀN CẦU GÂY THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ NZ**

Bộ trưởng Tài chính Grant Robertson cho rằng New Zealand có điểm tốt để vượt qua một thời điểm hỗn loạn khi đồng đô la giảm trong khi lạm phát được cố định sẽ duy trì trong thời gian dài hơn. Đồng đô la NZ đã giảm 19% trong sáu tháng qua so với đô la Mỹ và tiếp tục trượt giá. Trong tình huống này hàng hóa nhập khẩu có thể gặp phải tình huống khó khăn. Tuy nhiên, các nhà xuất khẩu có khả năng kiếm được lợi nhuận lớn hơn nhưng đó là một tình huống rất bất ổn và không chắc chắn.



## CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH

### TIÊU CHUẨN NHẬP KHẨU CÁC LOẠI HẠT KHÔ VÀ/HOẶC ĐÃ QUA CHẾ BIẾN

Các doanh nghiệp có thể nghiên cứu bản gốc tiêu chuẩn tại địa chỉ: <https://www.biosecurity.govt.nz/dmsdocument/1663-stored-plant-products-for-human-consumption-spp-human-ihs-import-health-standard>.

#### Phần 1: Yêu cầu

##### *Phạm vi áp dụng*

- IHS này chỉ áp dụng cho việc nhập khẩu các loại hạt khô và/hoặc đã qua chế biến (kể cả đông lạnh) làm thực phẩm cho con người.

##### *Kiểm tra an toàn sinh học*

- Ngay khi hàng hóa cập cảng Niu Di-lân, các chứng từ kèm theo lô hàng sẽ được kiểm tra tại cảng đến.

- Cán bộ kiểm dịch cũng có thể kiểm tra lô hàng hoặc mẫu hàng hóa.

- Hàng hóa không tuân thủ yêu cầu trong IHS có thể không được thông quan vào Niu Di-lân và có thể được yêu cầu xử lý thêm, trả lại nước xuất khẩu, tiêu hủy hoặc các biện pháp khác được Giám đốc Kỹ thuật coi là phù hợp.

- Việc vận chuyển hàng hóa cũng có thể bị đình chỉ nếu phát hiện một số loại sinh vật gây hại hoặc hạt giống cỏ thuộc diện phải kiểm soát.

- Nhà nhập khẩu phải chịu mọi chi phí liên quan.

#### Phần 2: Các yêu cầu trước khi vận chuyển hàng hóa

##### *Giấy tờ cần thiết*

- Các loại giấy tờ nên được viết bằng tiếng Anh. Đối với các giấy tờ bằng ngôn ngữ khác, nếu cán bộ kiểm dịch không thể xác định liệu hàng hóa có đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu vào Niu Di-lân hay không, MPI bảo lưu quyền yêu cầu nhà nhập khẩu bổ sung bản dịch do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Giấy phép nhập khẩu: Không bắt buộc, trừ hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Phần 3.8 của IHS này.

- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: Nhà nhập khẩu phải trình giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (bản gốc) theo quy định tại Phần 4 và 5 của IHS này do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (trường hợp này là Cục Bảo vệ thực vật) cấp.

- Giấy tờ khác: ngoài giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, hàng hóa phải kèm theo các giấy tờ khác như vận đơn, hóa đơn hàng không, ngoài các quy định tại Phần 3.2.

- Giấy chứng nhận của nhà sản xuất phải được in trên tiêu đề thư có tên công ty (letterhead), được ký bởi người đại diện có thẩm quyền và có các nội dung như: i) chữ ký, chức danh, ngày ký; ii) tên và địa chỉ nhà cung cấp (nếu khác với nhà sản xuất); iii) mô tả sản phẩm hoặc thương hiệu; iv) thông tin về quy trình chế biến; v) ngày sản xuất.

##### *Kiểm tra lô hàng trước khi vận chuyển*

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải kiểm tra xem hàng hóa có sinh vật gây hại thuộc diện kiểm soát hay không.
- Nếu có sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang Niu Di-lân hoặc phải được xử lý loại bỏ sinh vật gây hại trước khi xuất khẩu.
- Cục Bảo vệ thực vật chỉ được cấp giấy chứng nhận SPS sau khi xác nhận biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả.

#### *Xét nghiệm lô hàng trước khi vận chuyển*

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo rằng biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả. Hàng hóa phải được xét nghiệm nhằm phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng tại một phòng thí nghiệm được Hiệp hội xét nghiệm hạt giống quốc tế công nhận.
- Nếu phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang Niu Di-lân hoặc phải được xử lý loại bỏ hạt giống trước khi xuất khẩu.

#### *Các yêu cầu về xử lý hàng hóa trước khi vận chuyển*

- Nói chung, việc xét nghiệm để phát hiện sinh vật gây hại đối với các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của IHS này là không bắt buộc. Trường hợp được yêu cầu, hàng hóa cần có giấy chứng nhận SPS với các khai báo bổ sung phù hợp nếu việc xử lý sinh vật gây hại được thực hiện trước khi xuất khẩu.

#### *Đóng gói và dán nhãn hàng hóa*

- Bao bì đóng gói phải sạch sẽ, không dính đất và các chất ô nhiễm khác.
- Nhãn hàng hóa nên bằng tiếng Anh và không bị rách để cán bộ kiểm dịch dễ dàng nhận diện.

#### *Yêu cầu về quá cảnh*

- Tất cả hàng hóa phải được đóng gói và vận chuyển phù hợp để đề phòng việc phá hoại và/hoặc bị nhiễm sinh vật gây hại sau khi sản xuất/xử lý.
- Không được mở bao bì trên đường quá cảnh
- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, trong quá trình quá cảnh và nằm dưới sự kiểm soát trực tiếp của Cục Bảo vệ thực vật nước quá cảnh, nếu được lưu kho, chia tách hoặc thay đổi bao bì tại nước quá cảnh trên đường đến Niu Di-lân, hàng hóa phải được cấp thêm “giấy chứng nhận tái xuất khẩu” ngoài giấy chứng nhận SPS ban đầu.
- Không cần giấy chứng nhận tái xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa bị giữ lại để thay đổi phương tiện vận chuyển và vẫn nằm trong công-ten-nơ band đầu.

### **Phần 3: Các yêu cầu khi cập cảng**

- Các hàng hóa thuộc diện rủi ro phải được cán bộ kiểm dịch thực hiện thông quan, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy. Nhà nhập khẩu có trách nhiệm khai báo hàng hóa thuộc diện rủi ro tới cán bộ kiểm dịch.

- Hàng hóa chưa được thông quan phải nằm dưới sự kiểm soát của MPI và không được di chuyển hoặc tác động nếu không được cho phép.
- Các chi phí lấy mẫu, kiểm tra, xử lý, vận chuyển, kiểm dịch, trả lại nước xuất khẩu... do nhà nhập khẩu chịu.

#### *Kiểm tra khi cập cảng*

- Đối với hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra theo quy định tại Phần 4 và 5, các lô hàng sẽ được kiểm tra và/hoặc xét nghiệm ngẫu nhiên để đảm bảo lô hàng đảm bảo điều kiện thông quan.
- Hàng hóa không thuộc diện kiểm tra thông thường sẽ không bị kiểm tra nếu đáp ứng các yêu cầu trong phần 1.3.

#### *Kiểm tra*

- Cán bộ kiểm dịch sẽ kiểm tra hàng hóa để phát hiện sinh vật gây hại, đất hoặc các chất lẫn dễ thấy khác.

#### *Lấy mẫu*

- Nếu hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra, mỗi lô trong cả chuyến hàng đều phải lấy mẫu. Một mẫu tối thiểu là 5kg/chuyến hàng. Nếu cả chuyến hàng ít hơn 5kg thì tất cả hàng hóa đều phải kiểm tra.

#### *Phát hiện sinh vật gây hại và các chất lẫn*

- Trường hợp phát hiện sinh vật sống, nhà nhập khẩu có thể được quyền xác định xem sinh vật đó có phải sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát không. Nếu có, hàng hóa phải được xử lý, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy theo yêu cầu của MPI. Hàng hóa có thể được cho thông quan nếu sinh vật gây hại được phát hiện không thuộc diện phải kiểm soát.

#### *Mức độ chấp nhận được đối với các hạt giống lẫn*

- Đối với hàng hóa được xử lý nhiệt hoặc chế biến ở các trạm trung chuyển tại Niu Di-lân, các loại hạt lẫn phải được nêu trong giấy chứng nhận phân tích hạt. Hàng hóa thuộc diện này không phải xử lý thêm vì quy trình xử lý hoặc chế biến tại các trạm trung chuyển sẽ làm các loại hạt này mất khả năng sinh trưởng.
- Đối với các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng, dung sai đối với hạt lẫn tối đa là 0,1% trọng lượng. Giống và số lượng hạt lẫn phải được mô tả trong giấy chứng nhận phân tích hạt hoặc được cán bộ kiểm dịch của MPI xác định thông qua kiểm tra mẫu khi cập cảng.
- Các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng không được phép có các hạt lẫn thuộc các giống liệt kê trong danh mục Hạt giống cỏ thuộc diện kiểm soát (Phần 1.5.2) trong IHS: Importation of Grains/Seeds for consumption, feed or processing hoặc thuộc các giống “Cấm nhập khẩu) hoặc liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI).
- Khi lô hàng có mức độ hạt lẫn cao hơn dung sai cho phép, MPI sẽ cho nhà nhập khẩu một số lựa chọn như: loại bỏ các hạt lẫn, xử lý để hạt giống không thể sinh trưởng, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy hàng hóa.

**Phần 4: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm không sản xuất thương mại.** Đề nghị tham khảo chi tiết tại IHS gốc.

**Phần 5: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm được sản xuất thương mại**

*Thực phẩm đóng hộp đã nấu hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra hàng hóa
- Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật có chứa sản phẩm động vật phải đáp ứng cả các yêu cầu nhập khẩu đối với các sản phẩm động vật đó (ví dụ thịt, trứng, sữa).

*Thực phẩm đã nấu, quay, chần, nướng hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại đã được nấu (quay, hầm, chần hoặc nướng) hoặc các loại trái cây và rau được bảo quản/ngâm giấm, được bảo quản trong dung dịch nước muối, a-xít, rượu, dầu hoặc xi rô.
- Hàng hóa nên có giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

*Ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy*

- Các loại ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy có yêu cầu riêng đối với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

*Các loại thảo mộc, gia vị, rễ, củ sấy khô và đồ uống*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các hàng hóa được sản xuất thương mại và là: i) gia vị nghiền; ii) thảo mộc nghiền, đã vò nát hoặc thái nhỏ.
- Các loại thảo mộc, gia vị khô không nghiền, đồ uống có các yêu cầu riêng với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

*Trái cây và rau củ tươi*

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

*Trái cây và rau củ tươi bóc vỏ, thái, cắt khúc*

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

*Hàng hóa tươi đã chế biến*

- Chỉ dành riêng cho một số thương hiệu được MPI phê duyệt theo công bố trên website của MPI.

*Trái cây và rau củ sấy*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các loại trái cây và rau củ sấy khô, sấy lạnh được sản xuất thương mại và được liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI) như đề cập ở trên, trừ các loại có hạt thuộc diện hạt cấm nhập khẩu.

*Trái cây và rau củ ngâm giấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.



*Trái cây và rau củ bọc đường, ngâm đường, ướp muối, ngâm muối hoặc xi rô*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

*Trái cây và rau củ dạng nước ép, nghiền, chất lỏng*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

*Trái cây và rau củ đã nấu*

- Xem quy định tại phần 5.2 thực phẩm đã nấu

*Trái cây và rau củ đông lạnh*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại, trừ các loại sau:

+ Rong biển ăn được đông lạnh;

+ Lá của các loại cam quýt đông lạnh;

+ Nấm ăn được đông lạnh;

+ Các loài không nằm trong danh mục PBI hoặc bị cấm nhập khẩu; nếu lẫn các loại hạt hoặc vật chất có thể lây lan khác.

- Hoa ly bóc vỏ, đông lạnh có thể được nhập khẩu.

- Trường hợp cán bộ kiểm dịch tin rằng hàng hóa được sản xuất thương mại nhưng không dán nhãn, hàng hóa đó vẫn được cấp chứng nhận thông quan an toàn sinh học nếu quy trình đông lạnh có thể được kiểm chứng phù hợp các điều kiện sau:

- Đối với vật chủ của loài ruồi không ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ tâm sản phẩm đạt  $-10^{\circ}\text{C}$  hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.

- Đối với vật chủ của loài ruồi ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ tâm sản phẩm đạt  $-18^{\circ}\text{C}$  hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.

*Rong biển đông lạnh*

- Rong biển đông lạnh có thể không được phép nhập khẩu trừ khi được chế biến bổ sung để đảm bảo rong biển không sinh trưởng được theo một trong các cách sau:

+ Luộc ở  $90^{\circ}\text{C}$  trong ít nhất 30 phút sau đó đông lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Chần ở  $90^{\circ}\text{C}$  trong ít nhất 1 phút sau đó ngâm trong giấm và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Cầm nóng đến  $75^{\circ}\text{C}$  trong 15 phút sau đó ướp với nước sốt gia vị và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Nướng các lát mỏng (tối đa  $0,05\text{mm}$ ) ở  $300^{\circ}\text{C}$  trên đĩa nướng, sấy khô, nêm gia vị, cắt và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ .

- Tất cả các hàng hóa phải đi kèm với giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

Nấm sấy

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với nấm sấy sản xuất thương mại nếu được nhập khẩu kèm theo vận đơn hoặc vận đơn hàng không, trừ các loại sau:
- + Lô hàng nấm cục phải dán nhãn là nấm cục và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;
- + Lô hàng nấm linh chi nguyên chất phải được dán nhãn là nấm linh chi và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;
- + Lô hàng nấm gỗ phải được xử lý nhiệt theo mục 3.7.
- Tất cả các lô hàng nấm sấy khác phải được kiểm tra sinh vật gây hại và các chất lẫn.

#### Ghi chú:

- Nấm cục có thể sinh trưởng bị cấm nhập khẩu.
- Tất cả các lô hàng nấm cục không phải loại nấu súp đều phải dán nhãn.
- Các lô hàng dán nhãn nấm cục sẽ phải xét nghiệm để phát hiện các vật chất có khả năng sinh trưởng.
- Hàng hóa nghi là nấm cục hoặc nấm sấy không khô hoàn toàn sẽ bị tạm giữ và nhà nhập khẩu phải thực hiện xét nghiệm phát hiện vật chất có thể sinh trưởng, xử lý nhiệt hoặc trả lại nước xuất khẩu.

#### *Nấm đông lạnh*

- Các loại nấm ăn được (đông lạnh) sau đây có thể được nhập khẩu: *Agaricus bisporus*, *Boletus edulis*, *Cantharellus cibarius*, *Craterellus cornucopioides*, *Lentinula edodes*, *Marasmius oreades*, *Morchella conica* và *Morchella esculentus*.
- Các loại nấm này phải được đông lạnh thương mại và phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật với tuyên bố bổ sung như sau:
- “Loại nấm [tên khoa học] trong lô hàng này đã được làm đông lạnh thương mại và giữ ở nhiệt độ tối thiểu -18°C trong 7 ngày trước khi giao hàng” kèm theo giấy chứng nhận của nhà sản xuất có chữ ký của người có thẩm quyền trong công ty, nêu rõ tên và địa chỉ của nhà sản xuất, thông tin chính xác về quá trình chế biến và ngày chế biến.

#### *Các loại đậu (đỗ)*

- Danh sách chi tiết các loại đậu và yêu cầu với từng loại được nêu tại mục 5.7 của IHS gốc.

#### *Các loại hạt*

- Danh sách chi tiết các loại hạt và yêu cầu với từng loại được nêu tại mục 5.8 của IHS gốc.

#### *Dầu thực vật và dầu thực vật thể rắn đã chế biến*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với sản phẩm được chế biến và đóng gói thương mại, trừ trường hợp Stearin dầu cọ hydro hóa phải kiểm tra.

#### *Chiết xuất thực vật, tảo và nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với chiết xuất thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại dưới dạng viên nang, viên nén, bột, hồ, chất lỏng và xi rô có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng (shelf-stable) và không lẫn sinh vật có khả năng sinh trưởng.

### *Phần hoa*

- Phần hoa thông không được phép nhập khẩu
- Phần do ong thu thập được quy định tại IHS: Sản phẩm từ ong
- Phần không do ong thu thập phải được sản xuất thương mại thành viên nang hoặc viên nén.

### **THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NIU DI-LÂN**

Điện thoại/Fax: + 64 4 8033 775

Email: [nz@moit.gov.vn](mailto:nz@moit.gov.vn)

Địa chỉ: Level 2, 90- 92 Dixon Street, Te Aro, Wellington

Hòm thư: PO Box 11095, Manners Street, Wellington 6142